

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
KỲ THI NGÀY 23/11/2025

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
1	420262	Giàng Chá	Thắng	Luật	Anh văn		Không đạt			
2	431238	Phạm Huỳnh	Đức	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
3	432557	Nguyễn Hoàng	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
4	441753	Lương Quang	Sáng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
5	450344	Hà Minh	Hùng	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
6	450422	Hoàng Thị	Bán	Luật	Trung văn	3.5	Không đạt			
7	450442	Đoàn Bích	Diệp	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
8	451406	Hà Hữu	Thắng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
9	451904	Bùi Quang	Minh	Luật	Anh văn		Không đạt			
10	451947	Bùi Tuấn	Thành	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
11	453227	Phạm Bình	Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
12	453790	Văn Tiến	Đạt	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
13	460162	Lô Hữu	Phước	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
14	460252	Lê Thị Hà	Vi	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
15	460735	Lùng Thị Tuyết	Ngân	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
16	461005	Nguyễn Dương	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
17	461055	Nguyễn Trung	Hiếu	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
18	461458	Trần Thị	Phượng	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
19	461804	Vũ Thị	Bích	Luật Kinh tế	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
20	461858	Lục Thảo	Vy	Luật Kinh tế	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
21	462022	Trương Ngọc	Huyền	Luật Kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
22	462134	Lô Thị Thiên	Nga	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
23	463213	Trình Ngọc	Khánh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
24	463504	Ngô Thị Lan	Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
25	463508	Hoàng Thị	Bích	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
26	463513	Nguyễn Thị	Duyên	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
27	470101	Vũ Kiều	Giang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
28	470102	Đỗ Phương	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
29	470103	Lương Phạm Anh	Minh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
30	470104	Nguyễn Minh	Son	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
31	470107	Nguyễn Uyên	Nhi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
32	470108	Đào Phạm Minh	Thái	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
33	470111	Lê Đình	Cường	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
34	470112	Nguyễn Tuấn	Khanh	Luật	Anh văn		Không đạt			VPQC
35	470113	Nguyễn Thị Mai	Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
36	470114	Trần Phương	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
37	470117	Nguyễn Thu	Phương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
38	470118	Nguyễn Hồng	Hạnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
39	470119	Hà Trung	Hiếu	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
40	470120	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
41	470121	Nguyễn Thu	Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
42	470123	Nguyễn Thành	Đông	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
43	470125	Phạm Mai	Lê	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
44	470127	Lê Nguyên	Vy	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
45	470137	Nguyễn Thị	Hiền	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
46	470146	Nguyễn Thị Hải	Dương	Luật	Anh văn		Không đạt			VPQC
47	470148	Lương Thị	Gia	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
48	470157	Trần Đại	Nghĩa	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
49	470158	Đỗ Hà	Giang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
50	470163	Lương ánh	Ngọc	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
51	470201	Nguyễn Mai	Phuong	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
52	470215	Vũ Xuân	Đồng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
53	470216	Trần Thị Tuyết	Dung	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
54	470222	Hà Thị Hương	Mơ	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
55	470223	Nguyễn Mai	Phuong	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
56	470224	Nguyễn Yến	Nhi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
57	470225	Trần Lê Hoàng	An	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
58	470233	Phạm Thị Lan	Chinh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
59	470238	Hoàng Ngọc	Nhi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
60	470239	Hoàng Bích	Ngọc	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
61	470245	Nguyễn Thu	Hiền	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
62	470249	Đỗ Thị Vân	Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
63	470253	Hoàng Thị Huyền	Trang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
64	470262	Dư Anh	Tuấn	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
65	470265	Bùi Phương	Thảo	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
66	470266	Đỗ Thị	Nga	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
67	470307	Vũ Phương	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
68	470308	Ngô Bảo	Long	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
69	470310	Hà Thị Ngọc	Bích	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
70	470315	Đinh Trần Khánh	Ly	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
71	470328	Nông Khánh	Linh	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
72	470330	Mai Diệu	Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
73	470331	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
74	470332	Đàm Mai	Thư	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
75	470336	Trần Phương	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
76	470341	Đàm Khánh	Hoài	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
77	470342	Trần Vũ Tiến	Vượng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
78	470348	Bùi Vũ Khánh	Nhung	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
79	470354	Trần Ngọc Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
80	470363	Hoàng Thị Nhật ánh	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
81	470366	Đỗ Thị Linh	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
82	470367	Phùng Thế Bình	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
83	470404	Trần Quang Cường	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
84	470413	Nguyễn Hà Linh	Luật	Anh văn		Không đạt			
85	470415	Bùi Thị Thanh Tâm	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
86	470418	Nguyễn Phụng Yến	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
87	470465	Lương Thu Hằng	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
88	470501	Nguyễn Hải Huy	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
89	470509	Bùi Thúy Thúy	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
90	470514	Nguyễn Lê An Khanh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
91	470524	Hà Thanh Hoài	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
92	470528	Đỗ Minh Đức	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
93	470529	Nguyễn Trường Giang	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
94	470538	Âu Thúy Hằng	Luật	Anh văn		Không đạt			
95	470543	Nguyễn Thành Hưng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
96	470544	Đỗ Minh Hằng	Luật	Anh văn		Không đạt			
97	470545	Bùi Thị Thúy Nga	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
98	470565	Phùng Đức Thắng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
99	470566	Trần Mai Phương	Luật	Anh văn		Không đạt			
100	470569	Đào Trà My	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
101	470606	La Phương Thảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
102	470607	Nguyễn Nhân Bình	Luật	Anh văn		Không đạt			
103	470610	Đỗ Bảo Nhi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
104	470612	Nguyễn Lê Thu Trang	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
105	470616	Nguyễn Phương Anh	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
106	470617	Nguyễn Diệu Thu	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
107	470624	Vũ Văn Đức	Mạnh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
108	470626	Nguyễn Lê	Vân	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
109	470628	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
110	470630	Nguyễn Hữu	Hung	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
111	470634	Lê Thị Khánh	Linh	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
112	470635	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
113	470639	Bùi Thảo	Nhi	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
114	470641	Nguyễn Thị	Kiều	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
115	470644	Hoàng Thanh	Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
116	470650	Lưu Thị Vân	Anh	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
117	470651	Nguyễn Hoàng	Nam	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
118	470652	Đào Thu	Trang	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
119	470658	Dương Xuân	Nhi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
120	470659	Nguyễn Văn	Tài	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
121	470705	Trần Hà	Anh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
122	470710	Bùi Minh	Châu	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
123	470718	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
124	470719	Dương Thị Hải	Lan	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
125	470721	Phạm Hồ Hải	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
126	470726	Tổng Hoàng	Nhung	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
127	470729	Hoàng Văn	Dương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
128	470730	Nguyễn Thị Minh	Huyền	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
129	470733	Hoàng Thị Mai	Sao	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
130	470734	Tòng Thị Thùy	Linh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
131	470745	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
132	470747	Nguyễn Bảo	Nhung	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
133	470749	Vũ Tiến	Đạt	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
134	470760	Vũ Thị Thùy	Vân	Luật	Trung văn		Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
135	470768	Lê Mai	Trâm	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
136	470817	Vũ Thúy	An	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
137	470825	Trần Nguyễn Nam	Thành	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
138	470828	Triệu Quang	Trường	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
139	470830	Nguyễn Diệu	Linh	Luật	Trung văn		Không đạt			VPQC
140	470834	Phạm Thị Hồng	Ngọc	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
141	470848	Lê Hải	Minh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
142	470849	Đào Thị Hồng	Nhung	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
143	470862	Phan Quỳnh	Chi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
144	470863	Vũ Thị Diệu	Hoa	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
145	470865	Vũ Kim	Ngân	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
146	470866	Phạm Trúc	Giang	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
147	470868	Phạm Minh	ánh	Luật	Trung văn		Không đạt			
148	470902	Bùi Thùy	Linh	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt			VPQC
149	470918	Tô Anh	Đạt	Luật	Anh văn	0.0	Không đạt			
150	470946	Nguyễn Duy	Thành	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
151	471001	Nguyễn Đức	Nam	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
152	471040	Đặng Minh	Tấn	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
153	471046	Phạm Mai	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
154	471047	Nguyễn Minh	Tú	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
155	471049	Mai Thùy	Linh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
156	471050	Phạm Thị Yến	Nhi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
157	471059	Nguyễn Thuý	Dương	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
158	471064	Nguyễn Duy	Hoàng	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
159	471067	Vì Quang	Trung	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
160	471103	Nguyễn Thanh	Hằng	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
161	471111	Đinh Thị Ngọc	Minh	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
162	471133	Lương Thị	Thảo	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
163	471160	Bùi Ngọc	Linh	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
164	471162	Thái Thị Thanh	Hà	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
165	471167	Bùi Nguyễn Tiến	Dũng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
166	471202	Trần Thu	Minh	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
167	471207	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
168	471213	Lương Thùy	Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
169	471216	Nguyễn Yến	Nhi	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
170	471217	Đặng Phương	Hải	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
171	471221	Lê Thị Thái	Bình	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
172	471224	Lương Trung	Hiếu	Luật	Anh văn		Không đạt			
173	471227	Vũ Thị	Phượng	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
174	471234	Trần Đoan	Chi	Luật	Trung văn	2.5	Không đạt			
175	471237	Hoàng Thu	Hiền	Luật	Trung văn	4.5	Không đạt			
176	471240	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
177	471242	Hoàng Thùy	Linh	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
178	471245	Nguyễn Hùng	Nam	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
179	471249	Cao Việt	Hùng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
180	471266	Hoàng Thảo	Anh	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
181	471267	Vương Thảo	Vân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
182	471268	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Luật	Anh văn		Không đạt			
183	471305	Vũ Hồng	Vân	Luật	Trung văn	9.5	Đạt	3	B1	
184	471306	Nguyễn Tuyết	Nhung	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
185	471318	Lê Minh	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
186	471319	Đỗ Mai	Linh	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
187	471322	Trần Thúy	Kiều	Luật	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
188	471335	Nguyễn Phương	Thảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
189	471336	Trần Thị Thanh	Nga	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
190	471342	Tào Khánh	Linh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
191	471343	Phạm Thị Lan	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
192	471345	Lương Diệu	Linh	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
193	471347	Đào Hương	Ly	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
194	471348	Trần Mai	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
195	471352	Đỗ Thị Diệu	Linh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
196	471353	Nguyễn Ngọc	Mai	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
197	471355	Đỗ Thị Hoàng	Giang	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
198	471359	Bùi Ngọc	Duyên	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
199	471360	Nguyễn Thị Thanh	Diệp	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
200	471361	Đoàn Khánh	Dương	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
201	471362	Đỗ Thùy	Linh	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
202	471419	Nguyễn Mai	Loan	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
203	471423	Cao Đặng Thái	Tâm	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
204	471427	Trần Thị Minh	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
205	471431	Nông Thị ánh	Lệ	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
206	471432	Lò Hải	Yến	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
207	471434	Nguyễn Thị	Duyên	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
208	471435	Lê Thị Thanh	Thảo	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
209	471439	Nguyễn Thị Huệ	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
210	471442	Bùi Hiếu	Ngân	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
211	471445	Nguyễn Lương	Chánh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
212	471447	Đinh Thị Mai	Chi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
213	471449	Vũ Khánh	Huyền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
214	471455	Nguyễn Hà	Vy	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
215	471457	Nguyễn Xuân	Hiếu	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
216	471459	Đặng Đình	Thuận	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
217	471465	Đặng Tiến	Thuật	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
218	471511	Trần Thị Ngọc	ánh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
219	471513	Lưu Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
220	471516	Phạm Thị	Quỳnh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
221	471518	Lý Thị Thu	Hương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
222	471526	Hà Thương	Huyền	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
223	471531	Bùi Thị Mỹ	Diệu	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
224	471536	Lê Ngân	Hà	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
225	471538	Đoàn Thái	Hà	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
226	471549	Nguyễn Mai	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
227	471551	Phạm Thị Ngọc	Khuê	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
228	471554	Trần Phương	Huyền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
229	471561	Quách Phương	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
230	471606	Phan Quỳnh	Anh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
231	471611	Nguyễn Việt	Hoàng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
232	471625	Dương Tuấn	Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
233	471629	Phạm Nguyễn Quang	Vinh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
234	471639	Triệu Bá	Lân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
235	471641	Tòng Khánh	Ly	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
236	471642	Từ Thị Mỹ	Tâm	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
237	471643	Đặng Ngọc	Huyền	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
238	471647	Hứa Anh	Tú	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
239	471651	Nguyễn Hương	Thơm	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
240	471652	Bùi Thị Khánh	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
241	471659	Vũ Thanh	Tùng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
242	471664	Bùi Đăng	Thái	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
243	471666	Tạ Tùng	Lâm	Luật	Anh văn		Không đạt			
244	471703	Lê Ngọc	ánh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
245	471727	Lê Thị	Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
246	471729	Bùi Việt	Dũng	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
247	471734	Đinh Ngọc	Khánh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
248	471737	Nguyễn Kiều	Tuân	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
249	471751	Đỗ Xuân	Trường	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
250	471753	Lô Văn	Tùng	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
251	471807	Dương Phương	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
252	471809	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Giao	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
253	471815	Vũ Thị Minh	Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
254	471820	Hoàng Vũ Tâm	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
255	471822	Lê Thị	Hằng	Luật Kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
256	471823	Nông Thu	Hiền	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
257	471824	Dương Thị Thúy	Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
258	471832	Phạm Thị Thùy	Dương	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
259	471835	Quách Thị Thu	Hoài	Luật Kinh tế	Trung văn	4.0	Không đạt			
260	471836	Nguyễn Đăng Đức	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt			
261	471846	Phùng Mai	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
262	471852	Phạm Thị Thảo	Nhung	Luật Kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
263	471855	Nguyễn Thị Bảo	Linh	Luật Kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
264	471856	Trương Bùi Thục	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
265	471857	Đặng Duy	Việt	Luật Kinh tế	Anh văn	3.5	Không đạt			
266	471862	Dương Thu	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	4.5	Không đạt			
267	471904	Phan Thị Linh	Giang	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
268	471907	Lại Thị Phương	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
269	471911	Phan Mai	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
270	471916	Nguyễn Ngọc Vân	Hà	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
271	471917	Nguyễn Kim	Khánh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
272	471920	Ngô Yến	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
273	471921	Nguyễn Minh	Hằng	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
274	471925	Lô Thị Kiều	Oanh	Luật Kinh tế	Anh văn	2.0	Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
275	471933	Vũ Phạm Hương	Giang	Luật Kinh tế	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
276	471943	Triệu Thị	Hương	Luật Kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
277	471952	Leo Thị	Chuyên	Luật Kinh tế	Anh văn	4.5	Không đạt			
278	472010	Nguyễn Hải	Yến	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
279	472020	Đinh Thị	Nhung	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
280	472021	Lê Lâm	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
281	472027	Lê Thị Thanh	Huyền	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
282	472033	Đỗ Đoàn Hoàng	Đạt	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
283	472041	Ngân Thị	Thủy	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt			
284	472043	Đinh Thị Hà	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
285	472045	Bùi Thị Huyền	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	0.0	Không đạt			
286	472046	Hoàng Khánh	Toàn	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
287	472047	Lê Yến	Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
288	472048	Phạm Minh	Thúy	Luật Kinh tế	Anh văn	4.5	Không đạt			
289	472051	Đào Quang	Huy	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
290	472062	Nguyễn Đại	An	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
291	472105	Vi Thị Thanh	Bình	Luật Kinh tế	Trung văn	9.5	Đạt	3	B1	
292	472107	Trần Khánh	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
293	472108	Phạm Thị Hải	Yến	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
294	472113	Phạm Linh	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
295	472121	Phạm Thị Phương	Thảo	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
296	472124	Nguyễn Diệu	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
297	472134	Mai Thị Ngọc	Hà	Luật Kinh tế	Anh văn	4.5	Không đạt			
298	472139	Nguyễn Thị Phương	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
299	472145	Bùi Thúy	Vân	Luật Kinh tế	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
300	472155	Lý Đức	Thắng	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
301	472158	Triệu Thị Xuân	Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
302	472160	Nguyễn Duy	Bắc	Luật Kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
303	472219	Nguyễn Phụng	Hồng	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
304	472220	Hoàng Thị Minh	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
305	472228	Nguyễn Bích	Diệp	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt			VPQC
306	472237	Nguyễn Thị	Thương	Luật Kinh tế	Anh văn	3.5	Không đạt			
307	472243	Phạm Đức	Khiêm	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
308	472245	Nguyễn Thị	Hậu	Luật Kinh tế	Anh văn	3.5	Không đạt			
309	472260	Phùng Thảo	Nguyên	Luật Kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
310	472313	Phạm Thị	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
311	472316	Phạm Thị Thúy	Hằng	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
312	472319	Phạm Minh	Đức	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
313	472320	Phạm Phương	Dung	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
314	472322	Mai Thùy	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
315	472326	Nguyễn Phương	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
316	472328	Lê Đình Minh	Hiếu	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
317	472329	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
318	472332	Nguyễn Lương	Thảo	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
319	472333	Lê Quỳnh	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
320	472338	Phạm Trần Thu	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
321	472344	Nguyễn Nhật	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
322	472352	Lê Thùy	An	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
323	472356	Nguyễn Thị Hà	Vi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
324	472403	Phan Nguyễn Thanh	Thảo	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
325	472412	Phạm Quang	Minh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
326	472419	Trần Thị Thanh	Trúc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
327	472433	Nguyễn Mai	Phương	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
328	472451	Mai Phương	Trang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
329	472503	Trần Thu	Hà	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
330	472504	Tô Quỳnh	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
331	472505	Bùi Mai	Phuong	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
332	472507	Mai Thuỷ	Tiên	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
333	472516	Nguyễn Trần Phương	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
334	472517	Lê Thị Mai	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
335	472528	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
336	472531	Ngô Tuyết	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
337	472534	Vũ Thị Thu	Hương	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
338	472535	Nguyễn Phụng	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
339	472538	Lê Minh	Tiên	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
340	472542	Phí Linh	Đan	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
341	472548	Hoàng Thu	Hằng	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
342	472603	Dương Thị Thu	Trang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
343	472604	Nguyễn Thị Phương	Thu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
344	472606	Mai Thị Thúy	Hằng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
345	472607	Trần Thị Ngọc	Hiệp	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
346	472610	Nguyễn Thị Minh	Thư	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
347	472619	Nguyễn Quỳnh	Nguyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
348	472623	Nguyễn Hà	My	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
349	472624	Tạ Hoàng	Yến	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
350	472625	Nguyễn Đăng Việt	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
351	472626	Đỗ Tuấn	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
352	472628	Nguyễn Huyền	Trang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
353	472630	Trịnh Quang	Tú	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
354	472631	Nguyễn Ngọc ánh	Dương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
355	472639	Nguyễn Vũ Huyền	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
356	472645	Vũ Mai	Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
357	472647	Giáp Tùng	Dương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
358	472649	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
359	472650	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
360	472651	Lưu Trần Ngọc	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
361	472652	Trần Thị Hồng	Yến	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
362	472654	Nguyễn Ngọc	Huân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
363	472655	Nguyễn Hồng	Hạnh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
364	472657	Đoàn Phương	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
365	472660	Nguyễn Nhật	Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
366	472662	Bùi Ngọc Thùy	An	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
367	472701	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
368	472702	Nguyễn Thanh	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
369	472706	Phạm Thị	Oanh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
370	472710	Nguyễn Thị	Huê	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.5	Không đạt			
371	472713	Dương Yến	Nhi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
372	472715	Đào Thị Minh	Thư	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
373	472716	Trần Thị Ngọc	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
374	472720	Lê Quang	Hà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
375	472721	Nguyễn Diễm	Hương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
376	472722	Hoàng Thị Mai	An	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
377	472723	Lê Thị Hồng	Tú	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
378	472724	Khuông Thị Quỳnh	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
379	472725	Khuông Ngọc	ánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
380	472726	Dương Thủy	Tiên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
381	472728	Hoàng Thị Hương	Giang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
382	472730	Đặng Trung	Kiên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
383	472731	Lương Hoàng út	Thư	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
384	472733	Lê Anh	Xuân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
385	472734	Vũ Hoàng	Ngân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
386	472735	Nguyễn Diệu	Hương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
387	472736	Nguyễn Chi	Phuong	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
388	472737	Lê Thị Xuân	An	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
389	472738	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
390	472746	Hoàng Anh	Xuân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
391	472747	Lê Ngọc	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
392	472750	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
393	472753	Dương Ngọc	Triệu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
394	472761	Nguyễn Ngọc	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
395	472763	Hà Thị Quỳnh	Như	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
396	472804	Nguyễn Ngọc	Mai	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
397	472814	Vũ Đình Khánh	Vinh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
398	472821	Nguyễn Thanh	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
399	472822	Lê Khánh	Nhi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
400	472824	Đoàn Khánh	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
401	472830	Lý Tiểu	Diệp	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
402	472837	Lê Hồng	Ngân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
403	472846	Vũ Xuân	Mai	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
404	472851	Bùi Bích	Nga	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
405	472852	Chu Thị Linh	Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
406	472853	Đỗ Thị	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
407	472854	Ngô Hoàng	Lan	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
408	472855	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
409	472858	Nguyễn Hoàng	Phuong	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
410	472860	Lê Thị Diệu	Hằng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
411	472903	Hà Thúy	Ngân	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
412	472906	Nguyễn Quỳnh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
413	473001	Lê Hà	Vi	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
414	473009	Đặng Công Đức	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
415	473010	Phạm Minh	Quang	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
416	473016	Trần Ngô Phương	Liên	Luật chất lượng cao	Anh văn		Không đạt			
417	473020	Vũ Phương	Uyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
418	473025	Phan Quỳnh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
419	473106	Phạm Hà	My	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
420	473107	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
421	473112	Nguyễn Yến	Nhi	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
422	473125	Lê Phương	Mai	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
423	473213	Phan Nam	Vũ	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
424	473216	Nguyễn Thị Thảo	Vân	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
425	473233	Đặng Lê Kiều	Nguyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
426	473306	Nguyễn Tú	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.5	Không đạt			
427	473309	Đặng Thảo	Ly	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
428	473310	Nguyễn Thảo	Nhi	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.0	Không đạt			
429	473317	Nguyễn Huy	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
430	473318	Nguyễn Hoàng	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
431	473319	Nguyễn Vũ Thu	Hương	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
432	473320	Lương Phan Quỳnh	Hoa	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
433	473322	Tô Tôn	San	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
434	473323	Bùi Bảo	Hân	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
435	473328	Hoàng Hải	An	Luật chất lượng cao	Anh văn		Không đạt			
436	473335	Nguyễn Khánh	Đạt	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
437	473415	Bùi Kiều	Oanh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
438	473421	Nguyễn Bùi Thảo	Nguyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
439	473427	Ngô Như	Cầm	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
440	473429	Nguyễn Thu	Hoài	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
441	473440	Đinh Thảo	Nguyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
442	473442	Dương Thanh	Trúc	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
443	473501	Phạm Phương	Linh	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
444	473503	Lê Thị Khánh	Dương	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
445	473504	Ninh Bảo	Kỳ	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
446	473505	Đỗ Ngọc	Mai	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
447	473506	Lê Thị Minh	Hằng	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
448	473508	Phạm Thiên Hạnh	Trang	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn		Không đạt			
449	473511	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
450	473513	Nguyễn Hà	Chi	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
451	473518	Nguyễn Phương	Linh	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
452	473528	Nguyễn Kim	Ngân	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
453	473529	Lê Quý	Nhân	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
454	473530	Phạm Thanh	Huyền	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
455	473533	Đặng Nhật	Anh	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
456	473534	Vũ Thị Mỹ	Hà	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
457	473535	Phạm Mai	Phương	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
458	473540	Phạm Nhật Linh	Chi	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
459	473541	Trần Bình	Nhi	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
460	473543	Trương Cẩm	Tú	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
461	473545	Nguyễn Phương	Linh	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
462	473550	Vũ Quang	Huy	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
463	473553	Phạm Thị Minh	Hồng	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
464	473556	Tạ Nguyễn Anh	Thư	Luật kinh tế chất lượng cao	Anh văn		Không đạt			
465	473703	Nguyễn Lan	Anh	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
466	473707	Hoàng Gia	Bảo	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
467	473714	Đỗ Như	Duy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
468	473715	Nguyễn Nhật	Duy	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
469	473716	Trần Thùy	Dương	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
470	473720	Hồ Hữu	Đại	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
471	473722	Tăng Tiến	Đạt	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
472	473725	Vũ Minh	Hiếu	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
473	473727	Ngô Quang	Huy	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
474	473729	Hồ Ngọc Bảo	Hân	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
475	473730	Nguyễn Đình	Hưng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
476	473732	Đồng Phương	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
477	473736	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
478	473737	Hoàng Thảo	Mai	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
479	473741	Đinh Trần Nhất	Nam	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
480	473742	Phạm Trần	Nam	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
481	473745	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
482	473750	Hoàng Trọng	Nhất	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
483	473751	Nguyễn Mai	Phuong	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
484	473753	Huỳnh Tấn	Phát	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
485	473757	Trần Bích	Thuận	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
486	473760	Đỗ An	Thái	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
487	473762	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
488	473765	Thái Lê Hồng	Trang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
489	473767	Đỗ Ngọc	Trâm	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
490	473769	Trần Vương Quang	Tùng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
491	473773	Đặng Ngọc Anh	Vũ	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
492	473777	Lê Thị	Vân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
493	473803	Nguyễn Nam	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
494	473805	Trương Thị Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
495	473807	Trần Quang	Bảo	Luật	Anh văn		Không đạt			
496	473808	Nguyễn Tuấn	Bình	Luật	Anh văn	2.0	Không đạt			
497	473810	Dương Bá	Chung	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
498	473811	Vũ Minh	Chính	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
499	473814	Nguyễn Minh	Duy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
500	473815	Trương Thị Thùy	Dương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
501	473816	Vũ Lê Hoàng	Dương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
502	473831	Trần Việt	Hùng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
503	473836	Hoàng	Lịch	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
504	473847	Nguyễn Thiên	Nhi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
505	473850	Lại Thiên	Phong	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
506	473851	Nguyễn Thu	Phương	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
507	473861	Vũ Công	Thắng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
508	473870	Nguyễn Quang	Vinh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
509	473871	Phạm Ngọc Xuân	Vy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
510	473873	Nguyễn Anh	Vũ	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
511	4537128	Huỳnh Việt	Trình	Luật	Trung văn	3.5	Không đạt			
512	241010093	Phùng Thị	Cúc	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
513	241010095	Trần	Cường	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
514	241010109	Nguyễn Thu	Hằng	Luật	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
515	241010124	Hà Nhất	Hùng	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
516	241010135	Đặng Mỹ	Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
517	241010143	Phạm Thị Thùy	Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
518	241010150	Lê Văn	Mạnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
519	241010153	Đào Văn	Mỹ	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
520	241010178	Trần Phương	Thảo	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
521	241010197	Nguyễn Quang	Tuân	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
522	241010214	Mai Thị	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
523	241010216	Nguyễn Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
524	241010217	Phan Chung	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
525	241010218	Phùng Tuấn	Anh	Luật	Anh văn		Không đạt			
526	241010225	Nguyễn Văn	Bằng	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
527	241010226	Đỗ Văn	Biên	Luật	Anh văn		Không đạt			
528	241010231	Dương Quốc	Chinh	Luật	Anh văn		Không đạt			
529	241010232	Lưu Thu	Cúc	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
530	241010244	Đặng Minh	Đức	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
531	241010249	Trần Thị	Hà	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
532	241010251	Nguyễn Trung	Hải	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
533	241010253	Hoàng Minh	Hằng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
534	241010259	Đào Xuân	Hoàng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
535	241010265	Phạm Thanh	Hùng	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
536	241010271	Tạ Thị	Lan	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
537	241010276	Tổng Phương	Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
538	241010277	Nguyễn Hoàng	Long	Luật	Anh văn		Không đạt			
539	241010281	Tổng Thị	Minh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
540	241010286	Phạm Thị Như	Ngọc	Luật	Anh văn		Không đạt			
541	241010293	Đào Ngọc	Phương	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
542	241010297	Hoàng Thị Như	Quỳnh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
543	241010298	Triệu Thị	Quỳnh	Luật	Anh văn		Không đạt			
544	241010303	Nguyễn Ngọc	Thành	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
545	241010308	Vương Thị	Thảo	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
546	241010309	Trần Xuân	Thắng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
547	241010321	Ngô Thị Huyền	Trang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
548	241010323	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
549	241010327	Phạm Thị Thanh	Trà	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
550	241010328	Hà Nguyễn Tố	Trân	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
551	241010330	Phan Khánh	Trung	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
552	241010333	Phan Văn	Tuyển	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
553	241010335	Nguyễn Thanh	Tùng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
554	241010337	Nguyễn Hồng	Vân	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
555	241010339	Đặng Thành	Vinh	Luật	Anh văn		Không đạt			
556	241010581	Hoàng Văn	Linh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
557	241010584	Lý Thị Kiều	Nga	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
558	241010587	Đinh Minh	Ngọc	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
559	241010665	Đặng Thị Việt	Hà	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
560	241013495	Nguyễn Minh	Hằng	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
561	241013642	Bùi Đức	Hiếu	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
562	241013677	Nguyễn Thùy	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
563	241013898	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
564	241013959	Đỗ Thị	Quý	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
565	241070356	Đoàn Quang	Cảnh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
566	241070381	Nguyễn Văn	Hợp	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
567	241070406	Đỗ Quỳnh	Nga	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
568	241070418	Hồ Thị Lan	Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
569	241070434	Lê Minh	Thiện	Luật Kinh tế	Anh văn	0.0	Không đạt			
570	241070453	Hoàng Hải	Bình	Luật Kinh tế	Anh văn	0.0	Không đạt			
571	241070468	Nguyễn Thị	Hải	Luật Kinh tế	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
572	241070469	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
573	241070492	Nguyễn Trí	Kiên	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt			VPQC
574	241070496	Lê Thị Mai	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
575	241070515	Nguyễn Thị Thu	Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
576	241070538	Phạm Quang	Trường	Luật Kinh tế	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
577	241070543	Phan Thanh	Tùng	Luật Kinh tế	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Triều Dương

